

Số: 372/CAH- TH

Cù Lao Dung, ngày 03 tháng 9 năm 2021

V/v triển khai Quyết định rút ngắn
thời gian giải quyết TTHC thuộc
thẩm quyền trong Công an tỉnh

Kính gửi:

- Đội trưởng Đội Tổng hợp, CSGT-TT, CSQLHC về TTXH;
- Trưởng Công an các xã, thị trấn.

Ngày 16/8/2021, Giám đốc Công an tỉnh Sóc Trăng có Quyết định số 3190/QĐ-CAT về thông báo rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết trong Công an tỉnh Sóc Trăng đối với 53 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trong Công an tỉnh. Trong này đối với cấp huyện Quyết định công bố 14 TTHC (09 cấp huyện, 05 cấp xã) trên 05 lĩnh vực (03 cấp huyện, 02 cấp xã).

Để kịp thời thực hiện chỉ đạo của Giám đốc Công an tỉnh phục vụ công bố các TTHC thuộc thẩm quyền được rút ngắn thời gian giải quyết TTHC tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Nhân dân. Trưởng Công an huyện yêu cầu Đội trưởng các nghiệp vụ có liên quan và Trưởng Công an các xã, thị trấn thực hiện một số nội dung công tác sau:

1. Tổ chức triển khai đến cán bộ, chiến sỹ (CBCS) trong bộ phận đơn vị mình nắm các nội dung Quyết định số 3190/QĐ-CAT, ngày 16/8/2021 của Giám đốc Công an tỉnh kèm theo Danh mục TTHC được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định của pháp luật (có gửi kèm theo Công văn này) nhất là số cán bộ được giao nhiệm vụ tiếp dân, giải quyết TTHC liên quan nắm, tổ chức thực hiện đúng thời gian được công bố rút ngắn, không kéo dài hơn để người dân, tổ chức phản ánh.

Người đứng đầu từng bộ phận, đơn vị phải quán triệt và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện của CBCS bộ phận, đơn vị mình, đồng thời làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, chấn chỉnh lễ tiết tác phong, giao tiếp, ứng xử trong thi hành công vụ. Mọi trường hợp vi phạm CBCS phải chịu trách nhiệm trước Trưởng Công an huyện và người đứng đầu phải chịu trách nhiệm liên đới.

2. Thực hiện ngay việc niêm yết các TTHC đã được Công an tỉnh công bố thuộc thẩm quyền cấp mình tại Bảng niêm yết các TTHC (niêm yết chung cả Quyết định) và nơi tiếp công dân (trích các TTHC thuộc thẩm quyền) để người dân, tổ chức dễ tiếp cận, dễ nắm được thời gian đã được công bố rút ngắn so với quy định của pháp luật.

3. Đối với các TTHC được nội bộ cấp huyện, cấp xã rà soát trước đây được Công an huyện công bố mà không thuộc các Danh mục theo Quyết định của Công an tỉnh công bố lần này, đề nghị các bộ phận, đơn vị vẫn thực hiện theo Quyết định của Công an huyện công bố đồng thời với cấp tỉnh.

4. Trong quá trình thực hiện ngoài các Danh mục được Công an huyện, Công an tỉnh công bố nếu bộ phận, đơn vị nào nhận thấy có phát sinh TTHC có thể rút ngắn thời gian giải quyết hơn nữa so với quy định thì kịp thời báo cáo đề xuất đề cấp trên quyết định công bố bổ sung.

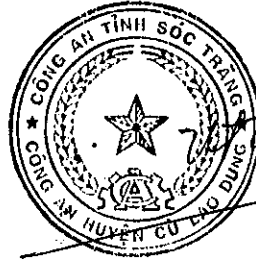
5. Giao Tổ Cải cách hành chính thuộc Đội Tổng hợp cung cấp các văn bản có liên quan và hướng dẫn các bộ phận, đơn vị thực hiện. Đồng thời tham mưu Trưởng Công an huyện kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện không để trường hợp người dân, tổ chức phản ánh việc giải quyết kéo dài hơn so với thời gian đã công bố.

Đề nghị các đồng chí quán triệt, thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Đội Pháp chế & QLKH/PV01, Công an tỉnh;
- Lãnh đạo Công an huyện;
- Các đội nghiệp vụ có liên quan;
- Công an các xã, thị trấn;
- Lưu: CAH (TH, VT).

TRƯỞNG CÔNG AN



Thượng tá Huỳnh Hữu Tường

QUYẾT ĐỊNH

**Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết trong Công an tỉnh Sóc Trăng**

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BCA ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 03/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Kế hoạch số 40/KH-CAT ngày 09/02/2021 của Công an tỉnh, thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Tham mưu, Công an tỉnh tại Tờ trình số 7/TT-PV01 ngày 15/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Rút ngắn thời gian giải quyết đối với 53 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trong Công an tỉnh Sóc Trăng so với quy định của pháp luật (Có danh mục thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian giải quyết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 1918/QĐ-CAT ngày 28/6/2019 của Giám đốc Công an tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị PA08, PC06, PC07, PV01; Trưởng Công an các huyện, thị xã, thành phố thuộc Công an tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- V03, Bộ Công an (để b/c);
- UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) (để b/c);
- Các đ/c Phó Giám đốc CA tỉnh (để p/h chỉ đạo);
- PX03 (đăng trên Trang thông tin điện tử Công an tỉnh);
- Lưu: VT, PV01 (Đội 6).Đu26b.



Đại tá Nguyễn Minh Ngọc



DANH MỤC

MỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC RÚT NGẮN THỜI GIẠN GIẢI QUYẾT SO VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
theo Quyết định số 219/QĐ-CAT ngày 16/8/2021 của Giám đốc Công an tỉnh Sóc Trăng

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL	Thời gian thực hiện theo quy định	Thời gian thực hiện còn lại sau khi rút ngắn	Đơn vị thực hiện
I	Lĩnh vực quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự (ANNT)				
1	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT	Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	PC06 và Công an các huyện, thị xã, thành phố
2	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT	Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT	Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
II	Lĩnh vực cấp, quản lý Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân				
1	Xác nhận số Chứng minh nhân dân khi được cấp thẻ Căn cước công dân	Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Trưởng Bộ Công an	07 ngày làm việc	03 ngày làm việc	PC06 và Công an các huyện, thị xã, thành phố
III	Lĩnh vực quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ				
1	Cấp lại chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quản dụng, công cụ hỗ trợ	Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	

2	Cấp lại Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ.	Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
3	Đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
4	Đề nghị làm mất tính năng, tác dụng của vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
5	Cấp Giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	Luật Quản lý, sử dụng vũ khí (VK), vật liệu nổ (VLEN), công cụ hỗ trợ (CCHT).	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
6	Cấp Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
7	Cấp Giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
8	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc (đổi với số lượng dưới 50 giấy)

9	Cấp Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc (đối với số lượng dưới 50 giấy)
10	Cấp lại Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc (đối với số lượng dưới 50 giấy)
11	Cấp đổi Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc (đối với số lượng dưới 50 giấy)
12	Cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ	Luật quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc (đối với số lượng dưới 50 giấy)
13	Cấp Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
14	Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
15	Cấp Giấy phép sửa chữa vũ khí	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
16	Cấp Giấy phép vận chuyển vũ khí	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
17	Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc (đối với số lượng dưới 50 giấy)

18	Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc (đối với số lượng dưới 50 giấy)	Công an xã, phường, thị trấn
19	Cấp đổi Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc (đối với số lượng dưới 50 giấy)	
20	Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc (đối với số lượng dưới 50 giấy)	
21	Cấp đổi Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc (đối với số lượng dưới 50 giấy)	
22	Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng	Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc (đối với số lượng dưới 50 giấy)	
23	Thông báo khai báo vũ khí thô sơ	Thông tư số 18/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an	03 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
IV	Lĩnh vực đăng ký, quản lý con dấu				
1	Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu	Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ	03 ngày làm việc	01 ngày làm việc	PC06
V	Lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy				
1	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện	Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày	07 ngày làm việc	6,5 ngày làm	

	kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	24/11/2020 của Chính phủ		việc
2	Cấp Đối giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc
3	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc
4	Cấp giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ cho phương tiện	Nghị định số 42/2020/NĐ-CP và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ	05 ngày làm việc	4,5 ngày làm việc
5	Cấp lại giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ cho phương tiện (đối với trường hợp bị tước hoặc thu hồi)	Nghị định số 42/2020/NĐ-CP và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ	05 ngày làm việc	4,5 ngày làm việc
6	Phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở	Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ	07 ngày làm việc	6,5 ngày làm việc
7	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (thời gian cấp giấy chứng nhận)	Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ	05 ngày làm việc	4,5 ngày làm việc
8	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy	Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc

PC07

9	Cấp đổi giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy	Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
10	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ	Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 Của chính phủ	05 ngày làm việc	4,5 ngày làm việc
11	Cấp đổi giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ	Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 Của chính phủ	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
12	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ	Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 Của chính phủ	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
13	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc
14	Nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy (thời gian ra văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận kết quả nghiệm thu)	Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc
VI	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông			
1	Cấp mới giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (mô tô)	- Luật Giao thông đường bộ - Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 - Thông tư số 59/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
2	Đăng ký sang tên cho tổ chức, cá	- Luật Giao thông đường bộ - Thông tư số 58/2020/TT-BCA	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc

	nhân khác tỉnh (xe mô tô)	ngày 16/6/2020 - Thông tư số 59/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020			Công an các huyện, thị xã, thành phố
3	Đăng ký sang tên cho tổ chức, cá nhân trong cùng tỉnh (xe mô tô)	- Luật Giao thông đường bộ - Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 - Thông tư số 59/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
4	Đổi lái giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (mô tô)	- Luật Giao thông đường bộ - Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 - Thông tư số 59/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020	02 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
5	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (mô tô)	- Luật Giao thông đường bộ - Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 - Thông tư số 59/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020	02 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
VII	Lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú				
1	Đăng ký thường trú	- Luật Cư trú năm 2020 - Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ - Thông tư 55,56,57,58/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an	07 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
2	Tách hộ	- Luật Cư trú năm 2020 - Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	

		<p>- Thông tư 55,56,57,58/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an</p>		<p>Công an xã, thị trấn</p>
3	<p>Đăng ký tạm trú</p>	<p>- Luật Cư trú năm 2020 - Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ - Thông tư 55,56,57,58/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an</p>	<p>03 ngày làm việc</p> <p>02 ngày làm việc</p>	
4	<p>Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư</p>	<p>- Luật Cư trú năm 2020 - Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ - Thông tư 55,56,57,58/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an</p>	<p>03 ngày làm việc</p> <p>02 ngày làm việc</p>	
VIII	<p>Lĩnh vực Quản lý Xuất, nhập cảnh</p>			
1	<p>Giã hạn tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam</p>	<p>- Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam - Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an</p>	<p>05 ngày làm việc</p> <p>03 ngày làm việc</p>	<p>PA08</p>
2	<p>Cấp thị thực cho người nước ngoài tại Việt Nam</p>	<p>- Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam - Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an</p>	<p>05 ngày làm việc</p> <p>03 ngày làm việc</p>	<p>PA08</p>

